

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày 15 - 02 - 2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2022/TLPT-DS ngày 03-10-2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn L, ông Cao Văn Ng kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3310/2023/QĐ-PT ngày 06-01-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cụ Trần Tấn L, sinh năm 1931. Địa chỉ: Số 158 đường 3/2, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

2. Cụ Trần Thị T, sinh năm 1940. Địa chỉ: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Bích Ph, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (giấy ủy quyền ngày 16/02/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1960; trú tại: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Bảo Ch, sinh năm 1974. Địa chỉ:

Khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (giấy ủy quyền ngày 20/12/2021). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Cao Thuỳ Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Tân Tạo B, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

2. Chị Cao Thị R, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp Minh Điền, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

3. Anh Cao Văn L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 20, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

4. Anh Cao Văn Ng, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

5. Chị Cao Thuỳ L; Địa chỉ: Ấp Lung Đước, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Chị Tr, chị R, anh L, anh Ng và chị L là các con ruột của bà H, ông Đ.

6. Bà Trần Bích Ph, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Xin xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn L, ông Cao Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1961, Nhà nước cấp cho vợ chồng cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T một phần diện tích đất chiều ngang 48m, chiều dài 380m tọa lạc Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Từ năm 1961 đến 1983 hai cụ quản lý, canh tác và cất nhà cùng gia đình ở trên phần đất; năm 1976 bà H (con ruột của hai cụ) có chồng là ông Đ ở cặp ranh đất, bà H làm dâu, thấy hoàn cảnh bà H khó khăn nên hai cụ kêu vợ chồng bà H về ở trên phần đất từ năm 1983, hai cụ để cho bà H sử dụng toàn bộ phần đất, nhưng thực tế cho bà H 1/2 diện tích, còn lại 1/2 diện tích hai cụ nhờ vợ chồng bà H canh tác và sau khi thu hoạch, trừ chi phí sản xuất, lợi nhuận còn lại giao cho hai cụ; năm 1999 cụ T về ở với bà H trên phần đất tranh chấp; đến năm 2001, khi có chủ trương của Nhà nước chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm và lúc đó cụ T và bà H có mâu thuẫn nên hai cụ phân chia phần đất ra làm hai phần riêng biệt cho cụ T quản lý 1/2 diện tích, còn lại 1/2 diện tích cho bà H và đã phân chia ranh giới cụ thể.

Ngày 04/11/2009, cụ L có họp gia đình thành phần họp gia đình gồm: Cụ L, bà H,

bà Ph, Bùi Văn K (anh rể), Võ Văn Ú (chồng bà Ph), Cao Văn Ng cùng một số người ở địa phương. Nội dung biên bản thể hiện phân chia cho bà H và bà Ph mỗi người 1/2 diện tích đất, mỗi phần đất có chiều ngang là 24m, chiều dài 380m; bà H có ký tên vào biên bản. Lý do cho bà Ph là vì bà Ph nuôi cụ T và bà Ph về ở cùng cụ T trên phần đất tranh chấp từ năm 2007, đến năm 2009 bà Ph xây dựng nhà cấp 4, ngang 7m, dài hơn 20m. Ngoài phần đất cất nhà, phần còn lại là nuôi tôm. Bà Ph và cụ T cùng quản lý, sử dụng và cùng ở trong căn nhà.

Đối với phần đất tranh chấp, vào năm 1994, ông Cao Văn Đ (chồng bà H) được Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 20.760m² gồm hai thửa: Thửa 115 có diện tích 2.600m² là đất riêng của ông Đ do cha mẹ ruột ông Đ cho; thửa 159 và thửa 327 là phần đất có nguồn gốc của cụ L, cụ T có tổng diện tích là 18.160m², hai cụ cho bà H 1/2 diện tích, còn lại 1/2 diện tích 9.120m² là của cụ L, Tơ.

Nguyên đơn không yêu cầu đo đạc, định giá lại phần nhà, đất; đồng ý với kết quả đo đạc và định giá có trong hồ sơ vì diện tích đất tranh chấp không có thay đổi. Ngoài ra, năm 2021 nguyên đơn có xây dựng một căn nhà phụ, không yêu cầu định giá tài sản. Trường hợp yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì sẽ tự tháo dỡ nhà, không yêu cầu bồi thường.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 9.894,6m² là của cụ L, cụ T và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Cao Văn Đ, tọa lạc Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn bà Trần Thị H và bà Lê Thị Bảo Ch là người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Toàn bộ phần đất có diện tích chiều ngang 48m, chiều dài hơn 380m, thuộc các thửa đất số 0155, 0159 và 0327, tờ bản đồ số 02 tọa lạc Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD do ông Cao Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Thửa 0155 có diện tích 2.600m² đất trồng lúa do cha mẹ ông Đ tặng cho; thửa 0159 có diện tích 15.760m² đất trồng lúa; thửa 0327 có diện tích 2.400m², trong đó có 300m thổ cư, còn lại 2.100m² là đất lập vườn. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 0159 và thửa 0327, (trừ đất thổ cư) diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế 9.894,6m² có chiều ngang hơn 24m, dài hơn 380m;

Liên quan đến nguồn gốc đất tranh chấp đó là trước đây đất hoang hóa; năm 1973 đã có người đến ở rồi bỏ đi, không rõ nguồn gốc đất của ai; năm 1976 vợ chồng bà H đến làm ăn sinh sống trên đất và thực tế nên ông Cao Văn Đ đã được UBND huyện ĐD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, tổng diện tích 20.760m², hiện tại quyền sử dụng đất của Đ chưa thay đổi. Trước đây, UBND huyện ĐD có Quyết định thu hồi đất của ông Đ số 336 ngày 30-9-2013, đến ngày 21-7-2016 có Quyết định số 68 thu hồi Quyết định số 336, lý do Quyết định số 336 chưa đảm bảo căn cứ pháp lý để thu hồi phần đất của ông Đ; đồng thời Ủy ban nhân dân huyện ĐD có Quyết định thu hồi đất cấp cho bà

Ph.

Phần đất tranh chấp nguyên đơn không có khai phá và không quản lý; năm 1999 cụ T về ở với bà H, đến 2001 có mâu thuẫn nên ở riêng cặp nhà bà H, do đó bà Ph về ở với cụ T và xây nhà ở năm 2009. Lý do bà Ph canh tác phần đất vuông là khi có Quyết định thu hồi phần đất ông Đ, cấp lại cho bà Ph một phần diện tích ngang 24m, dài 360m; đến năm 2016 UBND huyện hủy Quyết định thu hồi đất của Đ; sau đó hủy quyết định cấp đất cho bà Ph. Vì vậy, quyền sử dụng đất thuộc về ông Đ.

Cụ L, cụ T cho rằng đất tranh chấp là của hai cụ, nhưng trên thực tế hai cụ chưa bao giờ canh tác. Năm 1980, Nhà nước có trang trải đất đai trên địa bàn thì cụ L, cụ T cũng không yêu cầu nhận đất.

Năm 2009 cụ L có họp gia đình, nhưng thực tế không phải họp mà là cụ L về đặt vấn đề phân chia đất nên làm biên bản sẵn cho bà H ký tên.

Bị đơn không yêu cầu đo đạc, định giá phần lại đất, nhà, thống nhất lấy theo kết quả đo đạc, định giá trước đây.

Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn có yêu cầu phản tố là nguyên đơn trả lại cho bị đơn phần đất tranh chấp là 9.894,6m² trừ diện tích đất nguyên đơn xây dựng nhà, lý do để nhà cho cụ T ở. Đối với căn nhà phụ nguyên đơn mới xây cất, yêu cầu tháo dỡ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn Ng trình bày: Thống nhất nội dung trình bày trên của bị đơn, anh là con ruột bà H và sống cùng nhà với bà H. Phần diện tích đang tranh chấp, ông Cao Văn Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình. Cụ L đã nhờ nhân chứng xác nhận nguồn gốc đất với những lời khai thiếu khách quan, không có căn cứ; phiên hòa giải của Áp ND gia đình bị đơn không ai tham gia và anh Ng không nhận một khoản tiền nào từ bà Ph giao.

Ủy ban nhân dân huyện ĐD (Văn bản số 1368/BC-UBND ngày 27-10-2020) trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Văn Đ do Ban quản lý ruộng đất tỉnh Minh Hải chủ trì phối hợp với Ủy ban huyện, Ủy ban xã trên cơ sở xét duyệt của Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thực hiện trình tự thủ tục cấp không phải thực hiện việc xác minh về nguồn gốc đất, hiện trạng và đo đạc ngoài thực địa...; tuy nhiên, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Văn Đ lưu tại Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cho thấy: Đất có nguồn gốc của ông Trần Tấn L và bà Trần Thị T cấp cho con rể (ông Cao Văn Đ) là chưa phù hợp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106, 166, 189 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận phần đất đo đạc thực tế là 9.894,6m² tọa lạc Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cho cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T được quyền quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí: một cạnh giáp lộ xi măng ngang 24,72m (M1M11); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Hận dài 396,74m (M1M2); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Lal ngang 25,14m (M2M3); một cạnh giáp phần đất còn lại của bà Trần Thị H dài 400,25m (M3M11). Cụ L và cụ T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (*Kèm theo bản Trích đo hiện trạng ngày 11 tháng 5 năm 2017*).

2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C159607 đối với thửa đất số 0159 và thửa số 0327, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 415 và 458, tờ bản đồ số 05 (bản đồ đo vẽ, chỉnh lý năm 2010), diện tích theo đo đạc thực tế là 9.894,6m² do Ủy ban nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01-11-1994 đứng tên Cao Văn Đ.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H. Giữ nguyên phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 9.894,6m² tọa lạc Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cho cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí: một cạnh giáp lộ xi măng ngang 24,72m (M1M11); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Hận dài 396,74m (M1M2); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Lal ngang 25,14m (M2M3); một cạnh giáp phần đất còn lại của bà Trần Thị H dài 400,25m (M3M11).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-8-2022, bị đơn bà Trần Thị H và những có quyền, nghĩa vụ liên quan các ông Cao Văn L, Cao Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và kết luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H và những có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn L, ông Cao Văn Ng, giữ nguyên Bản án 09/2022/DS-ST ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện ĐD có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thủy Tr, Cao Thị R, Cao Thùy L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét đơn kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Diện tích 9.894,6m²/20.760m² tại Ấp ND, xã QPB thuộc thửa 0159, 0327 do ông Cao Văn Đ (con rể cụ L, cụ T) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C159607. Sau khi chỉnh lý, đất tranh chấp thuộc thửa 415, 458, tờ bản đồ số 05 theo bản đồ đo vẽ, chỉnh lý năm 2010. Tuy nhiên, 9.894,6m² đất hiện do cụ Trần Thị T và bà Trần Bích Ph đang quản lý, sử dụng. Nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà Trần Thị H (con ruột cụ L, cụ T), ông Cao Văn Đ đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất khai phá của mình nên đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận trên và công nhận 9.894,6m² cho cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T. Bị đơn bà Trần Thị H lại cho rằng đất hoang hóa nên đến ở trên phần đất. Năm 1994, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Về điều này, Ủy ban nhân dân xã QPB và Ủy ban nhân dân huyện ĐD khẳng định: 9.894,6m² thuộc thửa 0159 và 0327, tờ bản đồ số 02 là đất do Nhà nước cấp cho cụ Trần Tấn L, Trần Thị T vào khoảng năm 1961 (Báo cáo số 501/BC-UBND ngày 26-8-2020, Văn bản số 447/UBND-VP ngày 22-02-2017). Hơn nữa, những người làm chứng đều thừa nhận nguồn gốc đất Nhà nước cấp cho cụ L và khi cụ L chuyển công tác thì giao cho bà H quản lý, sử dụng đất. Như vậy, lời khai của người làm chứng phù hợp với ý kiến của các cấp chính quyền địa phương và phù hợp lời khai của nguyên đơn về nguồn gốc đất.

[3] Ngày 04-11-2009, Trần Tấn L, cụ Trần Thị T lập Biên bản phân chia đất cho các con có 06 người tham dự trong đó có bà H, Cao Văn Ng (con trai bà H) cùng ký tên. Nội dung biên bản thể hiện bà H được nhận phần đất ngang 24m, dài 360m và bà Ph nhận phần đất ngang 24m, dài 360m. Biên bản có chữ ký của đại diện Trưởng ấp và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã QPB. Sau khi có tranh chấp xảy ra giữa bà Ph và bà H thì được hòa giải vào ngày 24-6-2011, thể hiện: *Qua cuộc hòa giải thống nhất chung là giữ nguyên hiện trạng đất, và chiếu theo biên bản hợp thân tộc, còn phần cắt bằng khoản thì phải nhờ phòng Tài nguyên môi trường. Phần bà Trần Thị H được hưởng % diện tích đất của ông Trần Văn Lợi; phần bà Trần Bích Ph cũng được hưởng 2 diện tích trên..., Tập thể quy định, bà Ph phải trả cho bà H bốn triệu đồng làm hai lần, mỗi lần hai triệu, khi trả tiền có sự chứng kiến của ông Hải Việt.* Qua xác minh, một số thành viên Tổ hòa giải thừa nhận tại thời điểm đó có sự tham gia của bà Trần Thị H, Cao Văn L, Cao Văn Ng. Ngoài ra, ông Hải Việt xác nhận bà Ph đã giao 4 triệu đồng cho ông và ông Hải Việt đã giao lại cho anh Ng đủ 4 triệu đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T là đúng pháp luật.

[4] Đối với tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tranh chấp và các công trình xây dựng trên đất, các bên đương sự không ai có ý kiến gì nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét. Ngoài ra, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại đoạn 3 phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm cho phù hợp với nội dung phản tố của bà Trần Thị H.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn L, ông Cao

Văn Ng, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Bà Trần Thị H là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan các ông Cao Văn L, Cao Văn Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Điều 218, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH :

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H và người có quyền, nghĩa vụ liên quan các ông Cao Văn L, Cao Văn Ng. Giữ nguyên Bản án số 09/2022/DS-ST ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. **Xử:**

Áp dụng Điều 26, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106, 166, 189 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T. Công nhận phần đất đo đạc thực tế là 9.894,6m² tại Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cho cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T được quyền quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí: Một cạnh giáp lộ xi măng ngang 24,72m (M1M11); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Hân dài 396,74m (M1M2); một cạnh giáp đất ông Huỳnh Văn Lal ngang 25,14m (M2M3); một cạnh giáp phần đất còn lại của bà Trần Thị H dài 400,25m (M3M11). Cụ L và cụ T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo bản Trích đo hiện trạng ngày 11-5-năm 2017).

2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C159607 đối với thửa đất số 0159 và thửa số 0327, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 415 và 458, tờ bản đồ số 05 (bản đồ đo vẽ, chỉnh lý năm 2010), diện tích theo đo đạc thực tế là 9.894,6m² do Ủy ban nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01-11-1994 đứng tên Cao Văn Đ.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H về việc buộc cụ Trần Thị T phải trả lại cho bà H phần đất có diện tích 9.894,6m² theo đo đạc thực tế tọa lạc tại Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

4. Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí thẩm định ngày 25-5-2022 là 200.000 đồng, bà Trần Bích Ph (nộp thay cụ T) tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

Chi phí định giá tài sản số tiền 4.000.000 đồng, bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

Chi phí đo đạc và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho cụ Trần Tấn L, cụ Trần Thị T tổng số tiền 13.186.000đ (*mười ba triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

II. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Cao Văn L, ông Cao Văn Ng mỗi người phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai lần lượt số 0000166 và 0000167 cùng ngày 19-8-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Cao Văn L, ông Cao Văn Ng đã nộp đủ.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15 - 02 - 2023)./.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Minh

Hoàng Minh Thịnh

Lê Thúy Cầu

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; ĐTM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Cầu